

Bản án số: 08/2023/HNGĐST
Ngày: 16-01-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;
2. Ông Nguyễn Đức Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thiện Đại – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1040/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 07/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/12/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1990, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Khánh Thứ K, sinh năm 1983, có mặt.

Cùng hộ khẩu thường trú: Tổ 4, ấp 61, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai; cùng địa chỉ tạm trú: Tổ 1, ấp K, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2022 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Khánh Thứ K chung sống với nhau từ năm 2012. Đến năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015, thì hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi

vã. Từ khi bà T sinh con thì ông K thường có mối quan hệ bên ngoài với những người phụ nữ khác. Ngoài ra, ông K không chăm lo cho kinh tế gia đình, không lo lắng, chăm sóc vợ con. Kinh tế gia đình do một mình bà T gánh vác. Ông K có uống rượu say xỉn, đánh đập bà T. Rất nhiều lần, bà T đã cho ông K cơ hội để sửa chữa nhưng cũng không có kết quả. Gần đây nhất, do xảy ra mâu thuẫn giữa bà T và gia đình chồng nên bà Thùy đã dọn ra ngoài sinh sống. Bà T và ông K đã không còn sống chung từ tháng 08/2022 cho đến nay, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau. Bà T nhận thấy mâu thuẫn hôn nhân xảy ra đã từ lâu nên đã quá trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, mối quan hệ hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài, cần ly hôn để giải thoát cho nhau nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Khánh Thứ K.

Về con chung: Bà T và ông K có 01 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 12/11/2014. Bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Khánh Thứ K trình bày:

Ông K thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời điểm sống chung, đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung.

Ông K cũng thừa cuộc sống hôn nhân giữa ông và bà T có xảy ra mâu thuẫn. Ông K thừa nhận có mối quan hệ qua lại với một số người phụ nữ khác bên ngoài và có uống rượu bia say xỉn đánh bà T. Do ông K làm ăn thua lỗ, phải trả nợ nên không lo được về kinh tế, không đưa tiền cho vợ nuôi con và chi tiêu trong gia đình. Ông K cũng đã nhận ra những lỗi lầm của mình và đã nhiều lần được bà T tha thứ để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ. Trong thời gian chung sống, ông K và bà T được ba mẹ ông K cho đất và xây nhà ở cạnh nhà chồng, gia đình ông K rất yêu thương bà T nhưng gần đây do cha của ông K có uống rượu say xỉn, có lời lẽ với con dâu nên mới xảy ra mâu thuẫn, bà T đã dọn đồ bỏ đi từ tháng 8/2022 cho đến nay. Ông K thừa nhận những lỗi lầm của mình trong thời gian chung sống với bà T. Ông K trình bày nguyện vọng mong muốn được bà T cho thêm thời gian và cơ hội sửa sai để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ. Vì còn yêu thương vợ nên ông K không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Về con chung: Từ khi bà T bỏ đi cho đến nay, con chung do ông K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc nên ông yêu cầu được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện. Các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Đề nghị căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông K.

+ Về con chung: Đề nghị căn cứ Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung cho ông K nuôi dưỡng. Ông K không có yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Khánh Thứ K yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con chung. Bị đơn ông K có địa chỉ cư trú tại ấp K, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Khánh Thứ K tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012, đến năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai, là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, theo lời trình bày của nguyên đơn bà T và sự thừa nhận của bị đơn ông K thì nguyên nhân mâu thuẫn hôn nhân giữa bà T và ông K là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Ngoài ra mâu thuẫn còn do ông K thường có mối quan hệ với những người phụ nữ khác bên ngoài, không chăm lo cho kinh tế gia đình, không lo lắng, chăm sóc vợ con và có uống rượu say xỉn, đánh, chửi mắng, xúc phạm bà T. Mặc dù bà T đã nhiều lần tạo cơ hội đề ông K thay đổi, sửa chữa nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn đã kéo dài từ năm 2015 cho đến nay nhưng vẫn không thể khắc phục được. Bà T và ông K đã không còn sống chung và đã ly thân từ tháng 8/2022. Trong suốt quá trình sống ly thân, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau. Ngày 01/11/2022, bà T nộp đơn khởi kiện tại

Toà án và vụ án được Toà án thụ lý giải quyết cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành hoà giải đoàn tụ giữa các đương sự nhiều lần nhưng đều không thành. Do còn yêu thương vợ, mong muốn được đoàn tụ nên bị đơn ông K không đồng ý ly hôn. Nguyên đơn bà T không đồng ý đoàn tụ. Do đó Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa bà T và ông K đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mối quan hệ hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài, cần áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà Nguyễn Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Khánh Thứ K.

[2.2] Về con chung: Ông K và bà T có 01 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 12/11/2014. Cháu N hiện nay đã trên 07 tuổi. Theo lời khai được thu thập tại hồ sơ vụ án, cháu N không lựa chọn sống với cha hay với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy từ khi bà T và ông K không còn chung sống cho đến nay, cháu N do ông Khanh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông K hiện nay có nhà ở, công việc và thu nhập ổn định. Bà T hiện nay không có nhà ở và công việc ổn định, thuê phòng trọ ở và đi làm công nhân thời vụ ở xa. Vì vậy để bảo vệ quyền và lợi ích của con chung, nhằm giữ ổn định tâm sinh lý, môi trường sinh hoạt và học tập của con chung, trên cơ sở xem xét về điều kiện hoàn cảnh phù hợp cho việc chăm sóc, giáo dục con chung, cần áp dụng quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung cho ông K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông K không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T đối với bị đơn ông Nguyễn Khánh Thứ K về việc: “Tranh chấp ly hôn”.

Bà Nguyễn Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Khánh Thứ K.

2. Về con chung: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T đối với bị đơn ông Nguyễn Khánh Thứ K về việc: “Tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn”.

Giao cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 12/11/2014 cho ông Nguyễn Khánh Thứ K được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông K không yêu cầu bà Nguyễn Ngọc T cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích hợp pháp của con chung dưới 18 tuổi, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0001237 ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ toà tuyên án.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Nhung

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Duyên

